

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 24/03/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TGTH1+AMD	7:00	8+11	0+0		5+14	0+0	
2		P4+P5	7:25	13+9	0+0		9+13	0+0	
3		P11+P2+RP1	7:25	16+4+2	0+0+0		0+11+11	0+0+0	
4		RP2+CL+P1	7:25	5+2+15	0+0+0		4+0+8	0+0+0	
5		P3+AMD	9:25	4+18	0+0		3+19	0+0	
6		P1+P3+P5	9:25	9+8+4	0+0+0		2+11+6	0+0+0	
7		P7+P2	11:25	19+1	0+0		17+4	0+0	
8		TD1+P4	11:25	4+18	0+0		0+22	0+0	
9		RP1+VSP02+P11	11:25	8+14+0	0+0+0		0+6+16	0+0+0	

TTPBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Chuyển TGTH1+AMG check-in lúc 6h30
2/ Đi về trong ngày: 16 người P11, 4 người P2, 1 người P5, 2 người P4
3/ 1 người PPD về qua P2, 3 người TD2 về qua RP2
4/ 1 người TD3 đi/ về qua P7

FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/03/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 614	ETD: 07:00
FLIGHT: 1	TO: TGTH1 - AMD	CREW: CÔNG - TRƯỜNG	ETA: 09:00
xanh-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI VĂN HƯƠNG	TGTH1	73-74	2	10		72	KH-THAC	Vietnamese
2	NGO QUANG HUÂN	TGTH1	69	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG VAN GIANG	TGTH1	66	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN HỮU CUÔNG	TGTH1	64-65	2	10		72	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN TÍNH	TGTH1	67-68	2	16	25	77	CODIEN	Vietnamese
6	VŨ MẠNH ĐIẾP	TGTH1	71	1	7		75	CODIEN	Vietnamese
7	NGUYỄN HỒNG SON	TGTH1	70	1	10		68	CODIEN	Vietnamese
8	LÊ DUY CUÔNG	TGTH1	75	1	7		62	PSV	Vietnamese
9	STANLEY FUREY	AMD	95-96	2	18		110	BAB	British
10	NGO SY DUC	AMD	28-900	2	18		90	HLJOC	Vietnamese
11	NGUYEN NGOC TAN	AMD	88-89	2	14		75	TLJOC	Vietnamese
12	HỒ ANH QUỐC	AMD	02	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN XUÂN THANH	AMD	97	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN CÔNG DŨNG	AMD	91-92	2	10		74	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN SANH	AMD	94	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM VĂN QUANG	AMD	90	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN DÂN	AMD	29	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN NHƯ BẢO CHUÔNG	AMD	98-99	2	5		85	KH-THAC	Vietnamese
19	DUONG VĂN ĐỒNG	AMD	93	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TGTH1	8	11	75	570	25	5		
2	AMD	11	16	95	822	0	14		
TOTAL		19	27	170	1.392	25	19		
WEIGHT KG				170	1.392	25			

GRAND TOAL: 1.587 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/03/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 3	TO: P4 - P5	CREW: Nam - M.Đức - DTùng	ETA: 09:20
cam-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐỨC CUÔNG	P4	70	1	4		70	NAM TIEN	Vietnamese
2	LÊ HỒNG ĐẠI	P4	68	1	5		67	D-HANH	Vietnamese
3	BUI QUANG HUY	P4	67	1	5		70	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN TIEN THẮNG	P4					52	NIPI	Vietnamese
5	TRẦN KHOA TRƯỜNG	P4	66	1	5	55	70	NIPI	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH TÂM	P4	78,82	2	12		70	YTE	Vietnamese
7	VÔ DUY TOÀN	P4	69	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐÀO ĐỨC HUNG	P4	76	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN DUY THAI	P4	71-72	2	7		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH QUÂN	P4	74	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
11	LƯƠNG HỮU HẬU	P4	73	1	12		90	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM THAI SƠN	P4	77	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM VĂN HOÀNG	P4	75	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
14	ROGINSKIY	P5	26	1	8		85	KH-THAC	Russian
15	DO HOANG TRONG	P5	24	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
16	DONG VAN THINH	P5	22	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN VAN MACH	P5	23	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN QUANG PHUC	P5	25	1	3	5	70	KH-THAC	Vietnamese
19	BUI VAN BAC	P5					65	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN ANH TUAN	P5	29	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
21	LE DUC THANH	P5	28	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
22	HOANG VAN TRUNG	P5	30-31	2	12		63	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	13	14	81	901	55	9		
2	P5	9	9	52	651	5	13		
TOTAL		22	23	133	1.552	60	22		
WEIGHT KG				133	1.552	60			

GRAND TOAL: 1.745 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/03/2023	TO: P11 - P2 - RP1	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Hạnh - ĐNam - Thành	ETA: 09:25
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BELENKO A. V.	P11	83	1	3		100	D-HANH	Russian
2	NGUYEN THANG	P11	86	1	3		71	D-HANH	Vietnamese
3	ĐINH TRUNG KIEN	P11					72	D-HANH	Vietnamese
4	NGUYEN HOAI VU	P11					65	D-HANH	Vietnamese
5	NGUYEN HUU VAN	P11	84	1	2		75	D-HANH	Vietnamese
6	NGUYEN CONG HIEU	P11	89	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
7	PASHCHANOV A. V.	P11	91	1	3		90	KH-THAC	Russian
8	LE VAN LAM	P11	88	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
9	CHU MINH HUNG	P11	90	1	3		82	KH-THAC	Vietnamese
10	KRAPIVKA V. S.	P11	92	1	2		90	KH-THAC	Russian
11	TRẦN VINH PHƯƠNG	P11	87	1	2		70	KH-THAC	Vietnamese
12	TRỊNH BA ĐÔNG	P11					66	KH-THAC	Vietnamese
13	KRAMARENKO V. V.	P11					68	KH-THAC	Russian
14	TARGANOV G. V.	P11					92	ANTOAN	Russian
15	BAGRAMOVA EMMA	P11	85	1	5		52	NIPI	Russian
16	TRẦN VĂN LINH	P11					77	NIPI	Vietnamese
17	NEGANOV	P2				90	109	ZARUBEZH	Russian
18	GLADKOV	P2					90	ZARUBEZH	Russian
19	LARIN	P2	10	1	3		94	D-HANH	Russian
20	BAGNIUKOV	P2	11	1	2		92	XAYLAP	Russian
21	NGUYEN VAN BAC	RP1	70	1	20		70	XAY LAP	Vietnamese
22	DANG VAN NAM	RP1	71-72	2	18		75	XAY LAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P11	16	10	33	1.223	0	0		
2	P2	4	2	5	385	90	11		
3	RP1	2	3	38	145	0	11		
TOTAL		22	15	76	1.753	90	22		
WEIGHT KG				76	1.753	90			

GRAND TOAL: 1.919 KGS

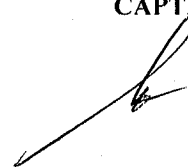
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/03/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:40
FLIGHT: 4	TO: RP2 - CLI - P1	CREW: Dương - MTHAO - THỤ	ETA: 09:30
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN THANH HUNG	RP2	53	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN AI	RP2	52	1	5		50	PSV	Vietnamese
3	LE PHAT THINH	RP2	81	1	6		94	PSV	Vietnamese
4	VU ANH HIEU	RP2	47-48	2	19		58	SCHLUMB	Vietnamese
5	PHAM VAN THAI	RP2	49-50	2	19		83	SCHLUMB	Vietnamese
6	NGUYEN DUC TUAN	CLI	24-25	2	10		73	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN THANH BINH	CLI	26-27	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
8	KISELEV IGOR	P1	41	1	5		98	KH-THAC	Russian
9	NGUYEN QUANG THO	P1	37	1	5		83	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN CHUNG CHINH	P1					65	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAM THANH TAI	P1	39	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN THE VINH	P1	33	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN HUU DUNG	P1	42-43	2	19	11	85	KH-THAC	Vietnamese
14	LE DINH PHUC	P1	38	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN DINH DUC	P1	44-45	2	14		68	KH-THAC	Vietnamese
16	LE KIEN TRUNG	P1	46	1	6		84	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN LONG BIEN	P1	40	1	10	20	76	KH-THAC	Vietnamese
18	DOAN VAN DU	P1	34	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
19	TA QUOC VIET	P1	97-98	2	10		62	YTE	Vietnamese
20	VU VAN CHUYEN	P1	96	1	10		70	PSV	Vietnamese
21	PHAM ANH SON	P1	35-36	2	12		65	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAM VAN THANG	P1	95	1	6		50	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	5	7	54	350	0	4		
2	CLI	2	4	20	138	0	0		
3	P1	15	18	115	1.084	31	18		
TOTAL		22	29	189	1.572	31	22		
WEIGHT KG				189	1.572	31			

GRAND TOAL: 1.792 KGS

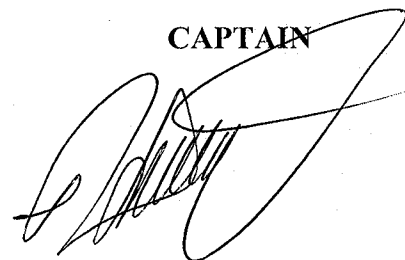
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/03/2023	TO: P3 - AMD	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: Hạnh - ĐNam - Thành	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN PHONG	P3	54	1	2		78	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI SY CONG	P3	53	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN THANH PHONG	P3	55-56	2	14		78	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN MINH HOAI	P3	52	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
5	TRINH VAN THANG	AMD	31	1	5	120	82	VR	Vietnamese
6	NGO VAN SAU	AMD	45	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VIET LAM	AMD	50	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN MINH DUC	AMD	39	1	8		69	KH-THAC	Vietnamese
9	DUONG CONG TAN	AMD	46	1	9		71	KH-THAC	Vietnamese
10	HO TRAN PHUONG DONG	AMD	40-41	2	18		72	KH-THAC	Vietnamese
11	VU MANH HA	AMD	42-43	2	12		85	KH-THAC	Vietnamese
12	BINH HUU TINH	AMD	36	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN DOAN DUAN	AMD	44	1	3		56	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN TRUNG KIEN	AMD	30	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
15	THAI BA HUNG	AMD	34	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN MANH HUNG	AMD	37-38	2	10		82	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN VAN NHA	AMD	32-33	2	12		62	KH-THAC	Vietnamese
18	LE THANH TUNG	AMD	49	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN VIET THANG	AMD	35	1	9		74	KH-THAC	Vietnamese
20	HOANG HUU VINH QUY	AMD	51	1	11		71	CODIEN	Vietnamese
21	TRAN XUAN HOAN	AMD	47-48	2	10		56	CODIEN	Vietnamese
22	NGUYEN NAM HOANG	AMD	52-53	2	19		58	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	4	5	28	291	0	3		
2	AMD	18	24	161	1.275	120	19		
TOTAL		22	29	189	1.566	120	22		
WEIGHT KG				189	1.566	120			

GRAND TOAL: 1.875 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/03/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:50
FLIGHT: 5	TO: P1 - P3 - P5	CREW: HUNG - NPhú - NNam	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN HOANG NHAN	P1	71	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAM SY HIEP	P1	67	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
3	VU NAM CUONG	P1	65	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM HUU PHUOC	P1	68	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
5	VO HONG HAI	P1	62-63	2	15		65	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN VAN PHIEN	P1	64	1	7		65	KH THAC	Vietnamese
7	DANG QUANG DUC	P1	70	1	6		72	KH THAC	Vietnamese
8	VU QUANG TUYEN	P1	66	1	7		90	KH THAC	Vietnamese
9	NGUYEN HOANG ANH TUAN	P1	69	1	7		57	KH THAC	Vietnamese
10	BUI THE DUONG	P3	03	1	10		66	KH THAC	Vietnamese
11	TRAN QUOC BINH	P3	04	1	5		80	KH THAC	Vietnamese
12	TRAN THIEN THANH	P3	94	1	7		86	KH THAC	Vietnamese
13	NGUYEN LE TUNG	P3	95	1	5	20	60	KH THAC	Vietnamese
14	VU DUC HUNG	P3	02	1	6		93	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN PHI DAN	P3					58	Y TE	Vietnamese
16	NGUYEN THE VAN	P3	06	1	5		70	PSV	Vietnamese
17	TO CONG MINH	P3	93	1	5		56	PSV	Vietnamese
18	HOANG BA VINH	P5	32	1	12		63	KH-THAC	Vietnamese
19	DAO VAN THANG	P5	33	1	7		55	PSV	Vietnamese
20	TO HUU THANG	P5	35	1	9		83	DK9	Vietnamese
21	KIEU TUAN ANH	P5	72	1	9		72	DK9	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	9	10	61	620	0	2		
2	P3	8	7	43	569	20	11		
3	P5	4	4	37	273	0	6		
TOTAL		21	21	141	1.462	20	19		
WEIGHT KG				141	1.462	20			

GRAND TOAL: 1.623 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/03/2023	TO: P7 - P2	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:10
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: HUNG - NPhú - NNam	ETA: 14:00
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DINH VAN THANH	P7	29	1	5	85	75	KH-THAC	Vietnamese
2	LUONG VAN LUONG	P7	39-40	2	14		94	KH-THAC	Vietnamese
3	HUYNH THANH TAM	P7	32	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
4	TRUONG VAN QUANG	P7	37	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN HUU HUNG	P7	45	1	8		63	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN VAN LOI	P7	30	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN DUC BINH	P7	24	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN THIEN	P7	41-42	2	15		80	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN HO THIEN TAM	P7	43	1	12		65	KH-THAC	Vietnamese
10	VU TRUNG KIEN	P7	38	1	12		81	KH THAC	Vietnamese
11	NGUYEN QUOC TAN	P7					68	KH THAC	Vietnamese
12	HOANG VAN QUYEN	P7	34-35	2	18		64	YTE	Vietnamese
13	HOANG VIET HUNG	P7	36	1	5		75	PSV	Vietnamese
14	TRAN VAN CAN	P7	31	1	5		70	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN ANH QUANG	P7	33	1	10		62	PSV	Vietnamese
16	SADOVNICHENKO DMITRI	P7	25	1	13		94	KHOAN	Russian
17	MAI VAN TOAN	P7	27-28	2	20		60	PSV	Vietnamese
18	DAU CONG SAU	P7	26	1	5		85	PSV	Vietnamese
19	VO VAN KIET	P7	44	1	10		59	PSV	Vietnamese
20	DUONG MINH QUAN	P2	17-19	3	20		76	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	19	22	173	1.401	85	17		
2	P2	1	3	20	76	0	4		
TOTAL		20	25	193	1.477	85	21		
WEIGHT KG				193	1.477	85			

GRAND TOAL: 1.755 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/03/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:40
FLIGHT: 7	TO: TD1 - P4	CREW: Dương - MTHAO - THỤ	ETA: 13:30
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VÕ NGOC THAI SON	TD1	72	1	12	30	72	CODIEN	Vietnamese
2	ĐỖ ĐỨC ANH	TD1	63	1	15		82	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYEN MANH TUNG TAI	TD1	68	1	6		70	CODIEN	Vietnamese
4	TRẦN ĐÌNH ĐIẾP	TD1	67	1	6	152	77	CODIEN	Vietnamese
5	BUI MINH TUAN	P4	15	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUEN HOANG VINH	P4	05	1	6		76	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN KHANH	P4	07	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
8	LE HOANG LONG	P4	08	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN HOANG	P4	17	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
10	CHU VAN DAT	P4	12	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN SON	P4	11	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN HOANG SANG	P4	16	1	11		95	KH THAC	Vietnamese
13	LE VAN KHOAI	P4	09	1	4		59	KH THAC	Vietnamese
14	DAM VAN QUANG	P4	04	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
15	LE ANH THANG	P4	06	1	6		79	KH-THAC	Vietnamese
16	HA TAN DUNG	P4	14	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
17	LE HONG TRUNG	P4	10	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN NGOC TUYEN	P4	18	1	3		69	KH THAC	Vietnamese
19	BUI MANH CUONG	P4	03	1	3		62	KH THAC	Vietnamese
20	TRAN TRUNG HIEU	P4	13	1	13		71	KH THAC	Vietnamese
21	TRAN VAN NAM	P4	02	1	7		77	PSV	Vietnamese
22	LE DAC NHA	P4	01	1	4		63	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

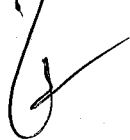
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	4	4	39	301	182	0		
2	P4	18	18	110	1.264	0	22		
TOTAL		22	22	149	1.565	182	22		
WEIGHT KG				149	1.565	182			

GRAND TOAL: 1.896 KGS

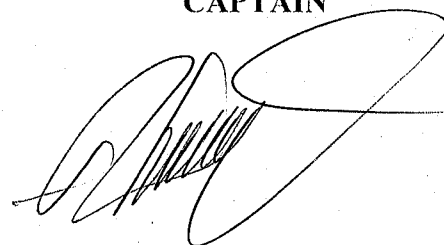
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/03/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:15
FLIGHT: 9	TO: RP1 - VSP02 - P11	CREW: TUYỀN - N.ANH - Toan	ETA: 14:05
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN VAN CHIEU	RP1	79-80	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
2	PHUNG QUOC VIET	RP1	85	1	19		72	XAYLAP	Vietnamese
3	DAO HAI TUNG	RP1	74-75	2	19		80	XAYLAP	Vietnamese
4	HOANG PHAM DAI	RP1	81-82	2	15		60	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN THANH HUNG	RP1	76	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
6	TRAN DUY ANH	RP1	77-78	2	18		70	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN DINH QUAN	RP1	83-84	2	19		70	XAYLAP	Vietnamese
8	PHAN VAN HOC	RP1	73	1	15		60	XAYLAP	Vietnamese
9	PIOTR LATUSZEK	VSP02	98-99	2	10		105	DNV	Poland
10	TRIANDOFILIDI Y.I.	VSP02	17	1	5		70	KH-THAC	Russian
11	NGUYEN HUU NGHI	VSP02	800	1	5		60	YTE	Vietnamese
12	HOANG VAN TRUNG	VSP02	08-09	2	6		82	PSV	Vietnamese
13	DINH BA THANG	VSP02	07	1	5		65	PSV	Vietnamese
14	NGUYEN ANH TUAN	VSP02	14	1	10		74	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN NAM SON	VSP02	13	1	5		78	PSV	Vietnamese
16	HOANG THAI LONG	VSP02	10	1	5		60	PSV	Vietnamese
17	PHAN THANH NAM	VSP02	02	1	12		75	PSV	Vietnamese
18	DOAN VAN DU	VSP02	11	1	10		70	PSV	Vietnamese
19	MAI TRUNG TIEN	VSP02	06	1	5		60	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN THANH TAT	VSP02	03-04	2	18		68	NHATHAU	Vietnamese
21	NGUYEN MINH TUAN	VSP02	05	1	5		55	NHATHAU	Vietnamese
22	PHAM TUAN VIET	VSP02	12	1	5		90	DK9	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	8	13	135	552	0	0		
2	VSP02	14	17	106	1.012	0	6		
3	P11	0	0	0	0	0	16		
TOTAL		22	30	241	1.564	0	22		
WEIGHT KG				241	1.564	0			

GRAND TOAL: 1.805 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN

